TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **68**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2018.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Đức.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Xuân Tuất;
2. Bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 676/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc:*"Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Hà Minh N, sinh năm 1971.
Địa chỉ: 72/3 ấp AH, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.
2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1973.
Địa chỉ: 72/3 ấp AH, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.
3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Hà Duy K, sinh năm 1937 và bà Trần Thị N, sinh năm 1945.
Cùng địa chỉ: ấp AH, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.
Ông K ủy quyền cho bà N theo Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2017.
(Ông N và bà L có mặt, bà Nvắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Hà Minh N trình bày:**

Ông N và bà Nguyễn Thị Mỹ L tự nguyện kết hôn với nhau năm 1995 nhưng đến năm 1997 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom (xã Trảng Bom 2, huyện Thống Nhất cũ), tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do lối sống tính cách không phù hợp, không cùng quan điểm, hết tôn trọng nhau. Nay ông N yêu cầu ly hôn với bà L vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: ông bà có 02 con chung tên Hà Minh T, sinh ngày 30/7/1997 và Hà Công T, sinh ngày 25/07/2000. Ly hôn cháu T, cháu T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

*** Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:**

Bà L và ông Hà Minh N tự nguyện kết hôn với nhau năm 1995 nhưng đến năm 1997 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom (xã Trảng Bom 2, huyện Thống Nhất cũ), tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống ban đầu bình thường, nhưng đến năm 2012, bà L vào câu lạc bộ cầu lông giữ gìn sức khỏe thì ông N không muốn và cứ hay ghen. Đến năm 2014, ông N có người khác lúc này phát sinh mâu thuẫn và nộp đơn xin ly hôn. Nay ông Nyêu cầu ly hôn thì bà Liên không đồng ý ly hôn vì đạo Thiên chúa không cho phép ly hôn; không muốn con thiếu cha, thiếu mẹ; còn thương chồng.

Về con chung: ông bà có 02 con chung tên Hà Minh T, sinh ngày 30/7/1997 và Hà Công T, sinh ngày 25/07/2000. Ly hôn, các con đã trưởng thành nên không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Bà L có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, xã TH, huyện Trảng B nhưng nay bà L xin rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Nợ chung: Không có.

*** Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Duy K và bà Trần Thị N trình bày:**

Nguồn gốc thửa đất trên bà N và ông K nhận chuyển nhượng của ông T. Vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông T khoảng năm 1996 – 1997 sau đó đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến năm 2015 được đổi sổ mới theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 909911 cấp ngày 16/10/2015. Sau đó vợ chồng bà tặng cho riêng cho con là Hà Minh N và được điều chỉnh biến động trong giấy chứng nhận ngày 14/6/2016.

Sau khi nhận chuyển nhượng phần đất trên thì cho vợ chồng ông Hà Minh N và bà Nguyễn Thị Mỹ L ở nhờ trên đất, khi đó có một căn nhà 4m x 6m tường xây gạch, lợp lá dừa. Năm 2000, vợ chồng bà cũng về xây nhà trên phần đất trên ở từ đó đến nay. Đến năm 2011 – 2012, vợ chồng bà N bỏ ra số tiền khoảng 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để xây dựng căn nhà khác

(gần nhà vợ chồng ông bà) cũng thuộc thửa đất số 17 để cho vợ chồng ông N, bà L ở.

Nhà là do vợ chồng bà N xây và vợ chồng bà cho riêng ông N đối với phần đất trên nên việc tranh chấp về tài sản khi ly hôn giữa ông N, bà L thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N. Cho ông N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Về con chung: Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí HNGĐ-ST: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc ông N phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung" thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Minh N và bà Nguyễn Thị Mỹ L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1997 và được UBND xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 167/1997, quyển số 01, ngày 06/10/1997 nên là hôn nhân hợp pháp.

Ông N, bà L xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông N xin ly hôn thì bà L không đồng ý vì đạo Thiên chúa bà L đang theo không cho phép ly hôn, không muốn con thiếu cha, thiếu mẹ; còn thương chồng. Từ năm 2013 đến nay, ông N và bà L đều xác nhận vợ chồng tuy chung sống cùng nhà nhưng cả hai không cùng thực hiện các sinh hoạt chung trong gia đình. Xét thấy, vợ chồng ông N, bà L mâu thuẫn là có thật, cả hai không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nên tình trạng hôn nhân giữa ông N, bà L đã trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, ông N xin ly hôn với bà L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: ông N, bà L có 02 con chung tên Hà Minh T, sinh ngày 30/7/1997 và Hà Công T, sinh ngày 25/07/2000. Hiện nay các con đã thành niên, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Ông Hà Minh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai nhưng đã có đơn xin rút yêu cầu trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 217, Điều 218, Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Ông N và bà L có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí:

7.1. Ông N phải nộp án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

7.2. Hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh N. Ông Hà Minh N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L.

2. Về con chung: ông N, bà L có 02 con chung tên Hà Minh T, sinh ngày 30/7/1997 và Hà Công T, sinh ngày 25/07/2000. Hiện nay các con đã thành niên, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

Ông N và bà L có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn.

4. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Hà Minh N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 005746 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 005949 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

6. Về quyền kháng cáo: Ông N, bà L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 167/1997, quyển số 01, ngày 06/10/1997);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

TRẦN BÁ ĐỨC